TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 20/6/2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Chiêu Hùng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Khánh Long
Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Phân - Kiểm sát viên.

Ngày 20/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 01 năm 2022, về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lý Kim T, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp S, xã T, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp S, xã T, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2021 (BL01-02) cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lý Kim T trình bày: Bà Lý Kim T và ông Huỳnh Văn H tự nguyện sống chung như vợ chồng và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã VC và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/10/2018. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Quá trình chung sống bà T và ông H có 01 người con chung là cháu Huỳnh Kim A (nữ) sinh ngày 11/4/2019 hiện đang do bà T nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia với nhau. Về

nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa bà T yêu cầu Tòa giải quyết cho bà T được ly hôn với ông H; Về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Huỳnh Kim A (nữ) sinh ngày 11/4/2019 đến khi cháu A đủ 18 tuổi, yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H, nhưng ông H không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà T, đồng thời ông H cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông H, giao con chung là cháu Huỳnh Kim A (nữ) sinh ngày 11/4/2019 cho bà T nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: buộc ông H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông H, nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông H theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lý Kim T nhận thấy hôn nhân của bà T và ông H là tự tìm hiểu và đến với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/10/2018. Quan hệ hôn nhân của bà T và ông H không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau

một thời gian chung sống, vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau thường hay xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Bà T nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với ông H nên có nguyện vọng ly hôn. Bà T và ông H đã không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay. Hội đồng xét xử đã phân tích động viên bà T suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông H, nhưng bà T vẫn cương quyết ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông H.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau bà T và ông H có 01 người con chung tên Huỳnh Kim A (nữ) sinh ngày 11/4/2019 hiện đang do bà T nuôi dưỡng và bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến đủ 18 tuổi, yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Để đảm bảo cuộc sống của cháu A không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Huỳnh Kim A cho bà T nuôi dưỡng và buộc ông H phải có nghĩa vụ thực hiện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Bà T khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà T khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27. Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Kim T đối với bị đơn ông Huỳnh Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Kim T được ly hôn với ông Huỳnh Văn H.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Huỳnh Kim A (nữ) sinh ngày 11/4/2019 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi A đủ 18 tuổi.

Buộc ông Huỳnh Văn H phải cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh Kim A (nữ) sinh ngày 11/4/2019 mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Ông H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Kim A của bà Lý Kim T thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Bà T khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà T khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Lý Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0002222, ngày 18/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Ông Huỳnh Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- UBND xã T, TX Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Chiêu Hùng